

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/DS-ST**

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Ngọc Hà.

2. Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hải A**, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 123/UQ-NHCS ngày 05 tháng 10 năm 2019). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Quách Thị S, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lý Văn M (Lý Quang M)**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2019 nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện A, tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là Ngân hàng) đã giải ngân cho vợ chồng bà Quách Thị S và ông Lý Văn M vay số tiền 14.000.000 đồng, để chăn nuôi bò, lãi suất 0,65%/tháng, lãi quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19 tháng 7 năm 2013. Theo thỏa thuận thì 12 tháng trả gốc một lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Sau khi được giải ngân tiền vay thì bà S, ông M không trả vốn vay, tiền lãi đúng thỏa thuận, tính đến ngày khởi kiện thì bà S, ông M còn nợ số tiền vốn vay 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, sau khi Ngân hàng khởi kiện thì bà S, ông M đã trả vốn vay được số tiền 1.500.000 đồng, đã trả tất lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Do vậy, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu bà S, ông M phải trả vốn vay còn nợ số tiền 12.500.000 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi cho đến khi bà S, ông M trả hết nợ.

- Đối với bị đơn bà Quách Thị S:

Bà S đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà S không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn M (Lý Quang M):

Ông M đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Quách Thị S, ông Lý Văn M (Lý Quang M) phải trả vốn vay, tiền lãi còn nợ. Bà S, ông M cùng cư trú tại Ấp B, xã A, huyện

A, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 thì Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Kim Thị Cẩm Hương. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S, ông M đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy, bà S, ông M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông M.

[4] Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà S, ông M trả số tiền vốn vay còn nợ là 12.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi bà S, ông M trả tất nợ. Hội đồng xét xử thấy, khi khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu bà S, ông M trả số tiền vay còn nợ đến ngày khởi kiện là 14.000.000 đồng, sau khi Ngân hàng khởi kiện thì bà S, ông M đã trả vốn vay số tiền 1.500.000 đồng, đã trả tất lãi, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà S, ông M còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay là 12.500.000 đồng. Như vậy, yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[5] Ngân hàng yêu cầu bà S, ông M trả số tiền vốn vay còn nợ là 12.500.000 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi cho đến khi bà S, ông M trả tất nợ. Bà S, ông M không có văn bản tường trình ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Theo các chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp gồm: Sổ vay vốn (Ngân hàng lưu trữ), họ và tên người vay Quách Thị S; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15 tháng 7 năm 2010 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 21 tháng 7 năm 2010); Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ tên khách hàng Quách Thị S, thì: Vào ngày 15 tháng 7 năm 2010 bà S đề nghị Ngân hàng vay số tiền 14.000.000 đồng để chăn nuôi bò, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, đến ngày 22 tháng 7 năm 2010 Ngân

hàng đã giải ngân cho bà S vay số tiền 14.000.000 đồng, bà S là người nhận tiền và ký tên vào mục người vay của Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định bà S có vay của Ngân hàng số tiền 14.000.000 đồng. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[7] Tại điểm b, tiểu mục 1, Mục 1 của Sổ vay vốn quy định quyền của bên cho vay: *“Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích”* và điểm b, c tiểu mục 2.2. Mục 2 của Sổ vay vốn này quy định về nghĩa vụ của hộ vay: *“Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Sổ vay vốn”, “Trả nợ gốc và tiền lãi vay theo thỏa thuận trong Sổ vay vốn”*. Ngoài ra, tại Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Theo các quy định viện dẫn thì bà S phải có nghĩa vụ trả vốn vay, tiền lãi đúng như thỏa thuận, cụ thể là 12 tháng phải trả gốc một lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Thế nhưng sau khi nhận tiền vay thì bà S không trả vốn vay, tiền lãi đúng thỏa thuận. Ngân hàng đã gia hạn nợ cho bà S một năm từ ngày 19 tháng 7 năm 2013 đến ngày 19 tháng 7 năm 2014 nhưng bà S cũng không trả vốn vay, tiền lãi cho Ngân hàng. Sau Khi Ngân hàng khởi kiện thì vào ngày 19 tháng 3 năm 2020 bà S đã trả tất lãi, trả vốn vay được số tiền 1.500.000 đồng, còn nợ vốn vay số tiền 12.500.000 đồng. Bà S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ vay, khoản vay này cũng đã quá hạn trả nợ cuối cùng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà S trả vốn vay còn nợ số tiền 12.500.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: *“Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiếu yếu của gia đình”* và tại Mục 2. của Sổ vay vốn thì ông M có quan hệ là chồng và là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của bà S. Hội đồng xét xử thấy, tại thời điểm bà S được Ngân hàng giải ngân tiền vay thì bà S và ông M có quan hệ là vợ chồng, mục đích bà S vay tiền để chăn nuôi bò, nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu và phát phát triển kinh tế gia đình, ông M còn là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ vay của bà S. Do đó, ông M phải có nghĩa vụ cùng bà S trả tiền vay còn nợ Ngân hàng.

[9] Như đã phân tích trên, Ngân hàng yêu cầu bà S, ông M trả vốn vay còn nợ số tiền 12.500.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí quy

định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà S, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.500.000 đồng x 05% = 625.000 đồng.

Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, Khoản 1 Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm c Khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bị đơn bà Quách Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn M (Lý Quang M) về việc yêu cầu trả vốn vay còn nợ.

2. Buộc vợ chồng bà Quách Thị S và ông Lý Văn M (Lý Quang M) phải trả cho Ngân hàng C số tiền vốn vay còn nợ là 12.500.000 đồng (*bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bà Quách Thị S và ông Lý Văn M (Lý Quang M) còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định trong khế ước vay ngày 22 tháng 7 năm 2010 (lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay) cho đến khi thi hành xong nợ gốc chưa trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

- Vợ chồng bà Quách Thị S và ông Lý Văn M (Lý Quang M) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 625.000 đồng (*bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Hà – Nguyễn Văn Ngự

Cao Thành Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Hà – Nguyễn Văn Ngự

Cao Thành Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt